

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 220/2021/HC-PT

Ngày: 28-10-2021

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 262/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2021/HC-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc S và bà Lâm Thị N: Bà Phan Thị L; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Đoàn Ngọc T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021 – Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B:* Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị N; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày**

Nguồn gốc đất của ông Trần Ngọc S như sau:

- Năm 1990, ông S có ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Nông trường cà phê 11/3 theo hợp đồng số 10/HĐKT ngày 15/7/1990 với diện tích 5.200 m², thời hạn hợp đồng từ năm 1990 đến tháng 5/1998 (hiện hợp đồng không còn lưu trữ).

- Đến năm 1998 Nông trường cà phê 11/3 đổi tên thành Công ty TNHH MTV cà phê B, nên ông S ký lại hợp đồng với Công ty TNHH MTV cà phê B theo hợp đồng số 319/HĐKT ngày 07/10/1998, thời hạn hợp đồng từ ngày 07/10/1998 đến 31/12/2020 với diện tích là 5.200 m², diện tích thực tế đo đạc là 7.842,2 m² (lớn hơn diện tích trong hợp đồng vì Công ty TNHH MTV cà phê B ký hợp đồng đã trừ diện tích bờ lô).

Tổng diện tích đo đạc thực tế là: 4.918 m². Gia đình ông S đã canh tác ổn định từ đó đến nay trên diện tích đất trên.

Ngày 05/02/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 430/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.845 m² đất tại phường T, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B.

Ngày 08/12/2010 UBND thành phố B ban hành quyết định 3886/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk.

Trong tổng diện tích đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê B, có diện tích đất Công ty TNHH MTV cà phê B đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với hộ ông Trần Ngọc S, diện tích là 4.918 m².

+ Các khoản hỗ trợ bồi thường cho hộ ông S đối với diện tích thu hồi là 4.918 m² gồm có:

- Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: 81.152.000 đồng.
- Cây cối hoa màu: 77.152.000 đồng
- Vật kiến trúc: 15.317.320 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 175.480.220 đồng.

Ngày 04/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7 m² đất tại các phường T, N, L, T, TL, H, và xã E thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B.

Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường N19 (đường Giải Phóng nối dài), từ đoạn Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B.

Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk.

Ngày 12/10/2020 UBND thành phố B ban hành quyết định số 7192/QĐ-UBND về việc hủy quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B với lý do: Dự án Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk tại vị trí tổ dân phố 7, phường T đã chấm dứt chủ trương đầu tư tại công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và được thay đổi vị trí về tại khu đô thị Km7, phường T.

Ngày 09/11/2020 UBND thành phố B ban hành quyết định số 7873 và 7874 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Giải Phóng đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1 + 2), trong đó có hộ ông Trần Ngọc S bị ảnh hưởng, tổng diện tích đất của ông S bị thu hồi là 4.918 m², bao gồm cả phần diện tích đất đã bị thu hồi tại quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các khoản mà hộ ông S được bồi thường, hỗ trợ trên diện tích đất 4.918 m² bị thu hồi, gồm có:

- Bồi thường chi phí đầu tư và đất còn lại
- Hỗ trợ về cây cối hoa màu.

Tổng số tiền nhà nước bồi thường và hỗ trợ cho ông S (hai đợt) là 289.339.242 đồng, ông S đã nhận số tiền trên.

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng:

- UBND thành phố B chưa hỗ trợ cho gia đình ông S ổn định đời sống và sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm đối với những người

trong gia đình ông S là 05 nhân khẩu vì gia đình ông S sống dựa vào quỹ đất bị Nhà nước thu hồi nên đề nghị hỗ trợ theo quy định.

- Đối với cây trồng từ năm 2014 trở đi đề nghị xem xét hỗ trợ cho gia đình ông S, bởi lẽ: UBND thành phố B có kế hoạch thu hồi và bồi thường năm 2010 nhưng không bồi thường cho gia đình ông S, do cây chết và già không có sức sống nên đã trồng mới một số cây nhưng trong biên bản kiểm kê tài sản ngày 11/6/2019 và ngày 05/10/2019, nhưng UBND thành phố B đã không bồi thường số cây trồng trên là không hợp lý.

- Đối với tiền chậm trả và thanh lý hợp đồng trước hạn: Năm 2010 và 2017 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, gia đình đã thanh lý hợp đồng nhưng chưa được nhận tiền bồi thường nên đề nghị hỗ trợ số tiền trả chậm, trả theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 93 Luật đất đai. Đồng thời bồi thường thiệt hại do đơn phương thanh lý hợp đồng trước hạn.

Vì vậy, ông Trần Ngọc S khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy một phần quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và một phần quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Giải Phóng đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1 + 2) thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông S là 4.918 m².

Trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho hộ ông S và hỗ trợ cho gia đình ông S một phần tiền đã đầu tư trồng mới cây trồng sau năm 2010. Rút yêu cầu bồi thường do đơn phương thanh lý hợp đồng giao khoán trước thời hạn và hỗ trợ tiền chậm trả do chậm chi trả tiền bồi thường

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Đoàn Ngọc T cho rằng:

Quá trình ban hành quyết định số 7873 và 7874 ngày 09/11/2020 UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường G đoạn từ N đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1 + 2) thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông S là 4.918 m², số tiền bồi thường và hỗ trợ cho ông Thành là 289.339.242 đồng là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH một thành viên cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có hiệu lực ngày 03/3/2017 nên việc ông S yêu cầu được hỗ trợ là không có cơ sở.

Do đó, việc ông Trần Ngọc S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên một phần quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và một phần quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông Trần Ngọc S là không có cơ sở.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng quan điểm với người khởi kiện.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày:* Nhất trí với lời khai của UBND thành phố B và không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2021/HC-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; Điều 93 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S. Hủy một phần các Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đối với hộ ông Trần Ngọc S; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ cây trồng từ năm 2014 trở đi theo các biên bản kiểm kê tài sản ngày 11/6/2019 và ngày 05/10/2019 cho hộ ông Trần Ngọc S theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2021, người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo, đề nghị Toà cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vì các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đều vắng mặt. Ông Đoàn Ngọc T, Phó chủ tịch UBND thành phố B là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND thành phố B là người bị kiện có kháng cáo, có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt (văn bản số 4550/UBND-VP ngày 13/10/2021 của UBND thành phố B, do Phó chủ tịch Đoàn Ngọc T ký). Ông Phạm Văn Thái, Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt (văn bản số 503/CV-TTPTQĐ ngày 14/10/2021, do Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B Phạm Văn T ký). Bà Phan Thị L là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện Trần Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn đề ngày 22/10/2021, Toà án cấp phúc thẩm nhận ngày 25/10/2021, do người làm đơn Phan Thị L ký tên). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về thẩm quyền: Ông Trần Ngọc S khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên hủy một phần quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và một phần quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông Trần Ngọc S. Đây là các quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Và việc khởi kiện vào ngày 25/12/2020 là còn trong thời hiệu khởi kiện, nên Toà án tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền và thời hiệu theo quy định của khoản 3, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 3, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét về nội dung, thấy rằng người khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và

một phần quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B.

Theo hồ sơ vụ án thì ông Trần Ngọc S ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Nông trường cà phê 11/3 từ năm 1990. Đến năm 1998, Nông trường cà phê 11/3 đổi tên thành Công ty TNHH MTV cà phê B. Ngày 7 tháng 10 năm 1998, ông Trần Ngọc S với Công ty TNHH MTV cà phê B ký hợp đồng kinh tế, thời hạn từ 7/10/1998 đến 31/12/2020, nội dung ông S liên kết sản xuất cà phê với Công ty. Ngày 5/2/2010, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 430 về việc thu hồi 63.845 m² đất tại phường T, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B. Trong tổng diện tích đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê B, có diện tích đất Công ty TNHH MTV cà phê B đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với hộ ông Trần Ngọc S, diện tích 4.918 m².

Như vậy diện tích đất bị thu hồi là diện tích đất mà ông Trần Ngọc S trực tiếp sản xuất nông nghiệp, do đó theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 83 của Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì ông S được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc UBND thành phố đã không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông S, nhận thấy:

Đối chiếu theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19; Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì hộ ông Trần Ngọc S thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, ý kiến của người bị kiện cho rằng không thực hiện hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là do toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có hiệu lực ngày 03/3/2017 là không có căn cứ. Bởi lẽ, đến ngày 09/11/2020 UBND tỉnh Đắk Lắk mới ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường nên phải áp dụng pháp luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường mới đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời tại Biên bản xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình được UBND phường T, thành phố B xác nhận ngày 11/3/2021 thì hộ gia đình ông S có 01 người là bà Lâm Thị N sinh năm 1983 có nghề nghiệp làm nông (BL-131). Nguồn thu nhập chính là

dựa vào thu nhập từ diện tích đất giao khoán với Công ty TNHH MTV cà phê B mà không có nguồn thu nhập và công việc nào khác.

Như vậy, khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, UBND thành phố B đã không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho 01 người là bà Lâm Thị N sinh năm 1983 là không đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi thu hồi đất:

Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai, khi nhà nước thu hồi đất thì người sử dụng đất được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông S thuộc diện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của gia đình ông Trần Ngọc S, Ủy ban nhân dân thành phố B đã không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là không đúng quy định pháp luật.

[6] Đối với yêu cầu bồi thường về cây trồng sau năm 2014: Quyết định số 7873/QĐ-UBND và 7874/QĐ-UBND của việc UBND thành phố B ban hành vào ngày 09/11/2020 nên UBND phải căn cứ vào các biên bản kiểm kê tài sản ngày 11/6/2019 (BL-27) và ngày 05/10/2019 (BL-25) để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ về cây trồng cho hộ ông S mới đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng UBND thành phố B căn cứ số liệu kiểm kê đất đai và tài sản thời điểm năm 2010 để ban hành phê duyệt phương án bồi thường cho ông Trần Ngọc S là không có cơ sở vì quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk đã bị hủy bỏ. Do đó, yêu cầu UBND thành phố B bồi thường số cây trồng từ năm 2014 đã kiểm đếm năm 2019 của ông S là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy việc UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ chi phí tổ chức thực hiện công tác khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông Trần Ngọc S, nhưng không có phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho 01 người là bà Lâm Thị N sinh năm 1983; không hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất cho gia đình ông S; không hỗ trợ đối với cây trồng từ năm 2014 trở đi đối với gia đình ông S là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy một phần các quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông

Trần Ngọc S; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ cây trồng từ năm 2014 trở đi theo các biên bản kiểm kê tài sản ngày 11/6/2019 và ngày 05/10/2019 cho hộ ông Trần Ngọc S, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố B không được chấp nhận nên UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; Điều 93 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc S. Hủy một phần các Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đối với hộ ông Trần Ngọc S; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ cây trồng từ năm 2014 trở đi theo các biên bản kiểm kê tài sản ngày 11/6/2019 và ngày 05/10/2019 cho hộ ông Trần Ngọc S theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm hành chính:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007509 ngày 4/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường